

Số: /HD-ĐHSPNTTW-ĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2014

HƯỚNG DẪN

Về việc thực hiện Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng theo hệ thống tín chỉ

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Thông tư 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Hiệu trưởng ban hành Hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng theo hệ thống tín chỉ áp dụng tại Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương,

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng (Điều 1 của Quy chế 43)

Khoản 2, Điều 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

Hướng dẫn thực hiện Quy chế này áp dụng đối với sinh viên các khoá đào tạo ở trình độ đại học và cao đẳng của Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW theo hình thức tích lũy tín chỉ.

Điều 2. Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần (Điều 2 của Thông tư 57)

Khoản 4, Điều 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

4. Chương trình đào tạo của Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW có khối lượng chương trình không dưới 150 tín chỉ đối với khóa đại học 5 năm; 120 tín chỉ đối với khóa đại học 4 năm; 90 tín chỉ đối với khóa cao đẳng 3 năm; 60 tín chỉ đối với khóa cao đẳng 2 năm.

Điều 3. Học phần và Tín chỉ

- Khoản 1, 3, Điều 3 (của Quy chế 43) được sửa đổi, bổ sung như sau:

1. Học phần là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho sinh viên tích lũy trong quá trình học tập. Phần lớn học phần có khối lượng từ 2 đến 4 tín chỉ, nội dung được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố đều trong một học kỳ. Kiến thức trong mỗi học phần gắn với một mức trình độ theo năm học thiết kế và được kết cấu riêng như một phần của môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Từng học phần được ký hiệu bằng một mã số riêng do Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW quy định.

3. Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên. Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết/giờ tín chỉ học lý thuyết; 30 - 45 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; 45 – 90 giờ thực tập tại cơ sở; 45 – 60 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn hoặc đồ án, khoá luận tốt nghiệp.

Đối với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, thí nghiệm, để tiếp thu được một tín chỉ sinh viên phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân.

Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW quy định việc tính số giờ giảng dạy của các học phần trên cơ sở số giờ giảng dạy trên lớp, số giờ thực hành, thực tập, số giờ chuẩn bị khối lượng tự học cho sinh viên, đánh giá kết quả tự học của sinh viên và số giờ tiếp xúc sinh viên ngoài giờ lên lớp.

- Khoản 4, Điều 3 (của Thông tư 57) được sửa đổi, bổ sung như sau:

4. Đối với những chương trình, khối lượng của từng học phần đã được tính theo đơn vị học trình, về nguyên tắc, thì 1,5 đơn vị học trình được quy đổi thành 1 tín chỉ.

Điều 4. Thời gian hoạt động giảng dạy (Điều 4 của Quy chế 43)

Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

Thời gian hoạt động giảng dạy của trường được tính từ 7h00 đến 20h00 giờ hàng ngày. Tùy theo tình hình thực tế của trường, Hiệu trưởng quy định cụ thể thời gian hoạt động giảng dạy của trường.

Căn cứ theo số lượng sinh viên, việc đăng ký số tín chỉ tích lũy, số lớp học cần tổ chức và điều kiện cơ sở vật chất của trường, Phòng Đào tạo sắp xếp thời khóa biểu hàng ngày cho các lớp.

Điều 5. Đánh giá kết quả học tập (Điều 5 của Quy chế 43)

- Khoản 1, Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

1. Số tín chỉ của các học phần theo qui định mà sinh viên đăng ký học vào đầu mỗi học kỳ (gọi tắt là khối lượng học tập đăng ký) đã được nhà trường chấp nhận;

Sinh viên phải đăng ký học phần theo đúng thời hạn qui định. Nếu sinh viên không đăng ký học phần, được coi như sinh viên bỏ học phần. Sinh viên không đăng ký học phần và sinh viên bỏ học phần đã đăng ký phải nhận điểm 0 ở học phần đó và phải nộp đầy đủ học phí các học phần nhà trường quy định cho học kỳ.

- Khoản 4, Điều 5 được sửa đổi, bổ sung thang điểm như sau:

Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình của các học phần và được đánh giá bằng các điểm chữ A, B, C, D mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét vào lúc kết thúc mỗi học kỳ được quy định cụ thể như sau:

Loại	Điểm hệ 10	Điểm hệ chữ	Điểm hệ 4
Loại đạt	9,0 – 10,0	A+	4,0
	8,5 – 8,9	A	3,7
	8,0 – 8,4	B+	3,5
	7,0 – 7,9	B	3,0
	6,5 – 6,9	C+	2,5
	5,5 – 6,4	C	2,0
	5,0 – 5,4	D+	1,5
	4,0 – 4,9	D	1,0
Loại không đạt	< 4	F	0

Chương II

TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 6. Thời gian và kế hoạch đào tạo (Điều 6 của Quy chế 43)

- Ý 2, Điểm a, Khoản 1, Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

1. Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW tổ chức đào tạo theo khoá học, năm học và học kỳ.

a. Khoá học là thời gian thiết kế để sinh viên hoàn thành một chương trình cụ thể. Tùy thuộc chương trình, khoá học được quy định như sau:

- Đào tạo trình độ đại học được thực hiện từ 4 đến 5 năm học tùy theo ngành nghề đào tạo đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc bằng tốt nghiệp trung cấp; từ hai năm rưỡi đến bốn năm học đối với người có bằng tốt nghiệp trung cấp cùng ngành đào tạo; từ một năm rưỡi đến hai năm học đối với người có bằng tốt nghiệp cao đẳng cùng ngành đào tạo.

- Điểm b, Khoản 1, Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau

1. Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW tổ chức đào tạo theo khoá học, năm học và học kỳ.

b) Một năm học có hai học kỳ, mỗi học kỳ có ít nhất 15 tuần thực học và 3 tuần thi. Ngoài hai học kỳ trên, nhà trường không tổ chức học kỳ phụ và thi phụ.

- Khoản 3, Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

3. Thời gian tối đa hoàn thành chương trình bao gồm: thời gian thiết kế cho chương trình quy định tại khoản 1 của Điều này, cộng với 2 học kỳ đối với các khoá học dưới 3 năm; 4 học kỳ đối với các khoá học từ 3 đến dưới 5 năm.

Tùy theo điều kiện, đối tượng đào tạo cụ thể, Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW sẽ quy định thời gian tối đa cho mỗi chương trình, không vượt quá hai lần so với thời gian thiết kế cho chương trình đó.

Những sinh viên thuộc đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy thời gian tối đa hoàn thành chương trình không được vượt quá hai lần so với thời gian thiết kế cho chương trình đó.

Điều 7. Đăng ký nhập học

Khoản 1, Điều 7 (của Thông tư 57) được sửa đổi, bổ sung như sau:

1. Khi đăng ký nhập học sinh viên phải nộp các giấy tờ theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Tất cả giấy tờ khi sinh viên nhập học phải được xếp vào túi hồ sơ của từng cá nhân và được quản lý tại Phòng Công tác học sinh, sinh viên.

- Khoản 2, 4, Điều 7 (của Quy chế 43) được sửa đổi, bổ sung như sau:

2. Sau khi xem xét đủ điều kiện nhập học, Phòng Công tác học sinh, sinh viên trình Hiệu trưởng ký Quyết định nhập học, danh sách lớp sinh hoạt và cấp cho sinh viên:

- a) Thẻ sinh viên.
- b) Sổ tay sinh viên (nếu có).
- c) Phiếu nhận cố vấn học tập hoặc địa chỉ liên hệ khi cần tư vấn

4. Trước khi vào học chính thức, sinh viên học tập các quy chế đào tạo, nghĩa vụ và quyền lợi của sinh viên. Phòng Đào tạo, Khoa, Tổ chuyên môn phổ biến mục tiêu, chương trình, kế hoạch đào tạo của các ngành. Sinh viên có thể khai thác thông tin chi tiết trên Website của trường.

Điều 8. Sắp xếp sinh viên vào học các chương trình hoặc ngành đào tạo (Điều 8 của Quy chế 43)

Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:

1. Trong trường hợp nhà trường xác định điểm trúng tuyển theo chương trình (hoặc theo ngành đào tạo) trong kỳ thi tuyển sinh, những thí sinh đạt yêu cầu xét tuyển được trường sắp xếp vào học các chương trình (hoặc ngành đào tạo) đã đăng ký.

2. Trong trường hợp nhà trường xác định điểm trúng tuyển chung theo nhóm chương trình (hoặc theo nhóm ngành đào tạo) trong kỳ thi tuyển sinh, đầu khoá học trường công bố công khai chỉ tiêu đào tạo cho từng chương trình (hoặc từng ngành đào tạo). Căn cứ vào đăng ký chọn chương trình (hoặc ngành đào tạo).

tạo), điểm thi tuyển sinh, nhà trường sắp xếp sinh viên vào các chương trình (hoặc ngành đào tạo).

Mỗi sinh viên được đăng ký một số nguyện vọng chọn chương trình (hoặc ngành đào tạo) theo thứ tự ưu tiên. Hiệu trưởng quy định số lượng và tiêu chí cụ thể đối với từng chương trình (hoặc ngành đào tạo) để sinh viên đăng ký phù hợp.

Điều 9. Tổ chức lớp học (Điều 9 của Quy chế 43)

Điều 9 được bổ sung thêm khoản 2 như sau:

2. Khi lớp đã chính thức học, sinh viên không được thay đổi phòng học, lịch học và giảng viên. Trường hợp đặc biệt phải báo cáo Phòng Đào tạo để xử lý (nếu điều kiện cho phép).

Điều 10. Đăng ký khối lượng học tập (Điều 10 của Quy chế 43)

- Khoản 1, 2, Điều 10 được sửa đổi, bổ sung như sau:

1. Đầu mỗi năm học, trường sẽ thông báo lịch trình học dự kiến cho từng chương trình trong từng học kỳ, kế hoạch giảng dạy các học phần. Khi bắt đầu học phần, giảng viên phải công bố công khai cho sinh viên đề cương chi tiết, lịch và hình thức thi, kiểm tra đối với mỗi học phần.

2. Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, tùy theo khả năng và điều kiện học tập của bản thân, tham khảo ý kiến của cố vấn học tập, sinh viên phải đăng ký các học phần sẽ học với Phòng Đào tạo.

Nhà trường áp dụng 2 hình thức đăng ký: Đăng ký bình thường và đăng ký muộn.

a) Đăng ký bình thường: Là hình thức đăng ký trước thời điểm bắt đầu đợt học từ 2 tuần đến 4 tuần.

b) Đăng ký muộn: Là hình thức đăng ký trong 2 tuần đầu của học kỳ dành cho sinh viên muốn đăng ký học thêm, hoặc rút bớt học phần đã đăng ký, xin chuyển sang học phần khác khi học phần đăng ký không có lớp.

- Điểm c, khoản 3, Điều 10 (của Quy chế 43): Không thực hiện đối với trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW.

- Khoản 5, 6, Điều 10 được sửa đổi, bổ sung như sau:

5. Việc đăng ký học các học phần của sinh viên phải đảm bảo điều kiện tiên quyết của học phần và trình tự học tập của mỗi chương trình cụ thể.

6. Phòng Đào tạo chỉ nhận đăng ký khối lượng học tập của sinh viên ở mỗi học kỳ khi đã có chữ ký chấp thuận của cố vấn học tập trong phiếu đăng ký học tập. Khối lượng đăng ký học tập của sinh viên theo từng học kỳ phải được ghi vào phiếu đăng ký học. Sinh viên giữ 01 bản, 01 bản gửi về Phòng Đào tạo lưu giữ.

- Bổ sung khoản 7, 8 như sau:

7. Đối với lớp học hủy, Phòng Đào tạo thông báo trên website cho sinh viên biết để đăng ký lại. Nếu chưa đủ số tín chỉ bắt buộc, sinh viên phải viết đơn để Phòng Đào tạo hỗ trợ đăng ký khối lượng học tập bổ sung.

8. Mỗi sinh viên có một tài khoản (account) trong việc thực hiện đăng ký học. Sinh viên đăng nhập vào hệ thống và thực hiện đăng ký theo hướng dẫn. Sinh viên có trách nhiệm bảo vệ bí mật tài khoản (account) của mình.

Điều 11. Rút bớt học phần đã đăng ký (Điều 11 của Quy chế 43)

Điều 11 được sửa đổi, bổ sung như sau:

1. Việc rút bớt học phần trong khối lượng học tập đã đăng ký được thực hiện sau 2 tuần kể từ đầu học kỳ. Ngoài thời hạn quy định, học phần vẫn được giữ nguyên trong phiếu đăng ký học. Nếu sinh viên không đi học học phần này sẽ được xem như tự ý bỏ học và phải nhận điểm 0 (điểm F)

2. Điều kiện xin rút bớt các học phần đã đăng ký:

a) Sinh viên phải tự viết đơn (theo mẫu) gửi Phòng Đào tạo của Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW.

b) Được cố vấn học tập chấp thuận hoặc theo quy định của Hiệu trưởng.

c) Không vi phạm khoản 3, điều 10 của Quy chế này.

Điều 12. Đăng ký học lại (Điều 12 của Quy chế 43)

Khoản 2, 3, Điều 12 được sửa đổi, bổ sung như sau:

2. Sinh viên có học phần tự chọn bị điểm F phải đăng ký học lại, nộp kinh phí học phần đó hoặc xin chuyển sang học phần khác tương đương trong nhóm tự chọn để thay thế học phần bị điểm F (nếu không có lớp của môn học tự chọn đã học)

3. Ngoài ra, nếu có học phần bị điểm D (Điểm từ 4.0 đến 5.4 theo thang điểm 10) sinh viên có nguyện vọng học lại để cải thiện điểm thì thực hiện như khoản 1,2 của Điều này (đăng ký với Phòng Đào tạo học lại, nộp kinh phí và thi lại). Nhà trường sẽ xóa điểm học lần 1, chỉ công nhận điểm học lại và thi lại của sinh viên. Không giải quyết cho sinh viên học cải thiện điểm có điểm học phần đã đạt loại A,B,C.

Điều 14. Xếp hạng năm đào tạo và học lực

Khoản 1, Điều 14 (của Thông tư 57) được sửa đổi, bổ sung như sau:

1. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào khối lượng kiến thức tích lũy (Đã học đạt từ điểm D trở lên), sinh viên được xếp hạng năm đào tạo: sinh viên năm thứ nhất, sinh viên năm thứ 2, sinh viên năm thứ 3, sinh viên năm thứ 4, sinh viên năm thứ 5. Tùy thuộc khối lượng của từng chương trình quy định tại khoản 4, điều 2 của Hướng dẫn này, căn cứ Kế hoạch toàn khóa, Hiệu trưởng quy định giới hạn kiến thức để chuyển năm đào tạo. Cụ thể như sau:

- a) Sinh viên năm thứ nhất: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy dưới 30 tín chỉ;
- b) Sinh viên năm thứ hai: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 30 tín chỉ đến dưới 60 tín chỉ;
- c) Sinh viên năm thứ ba: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 60 tín chỉ đến dưới 90 tín chỉ;
- d) Sinh viên năm thứ tư: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 90 tín chỉ đến dưới 120 tín chỉ;
- đ) Sinh viên năm thứ năm: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 120 tín chỉ đến dưới 150 tín chỉ

- Khoản 3, Điều 14 (của Quy chế 43): Không thực hiện đối với Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW

Điều 15. Nghỉ học tạm thời (Điều 15 của Quy chế 43)

Khoản 2, Điều 15 được sửa đổi, bổ sung như sau:

2. Sinh viên nghỉ học tạm thời, khi muốn trở lại học tiếp tại trường, phải viết đơn gửi Phòng Công tác học sinh, sinh viên trình Hiệu trưởng ít nhất một tuần trước khi bắt đầu học kỳ mới.

Điều 16. Cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học (Điều 16 của Thông tư 57)

Điều 16 được sửa đổi, bổ sung như sau:

1. Cảnh báo kết quả học tập được thực hiện theo từng học kỳ, nhằm giúp cho sinh viên có kết quả học tập kém biết và lập phương án học tập thích hợp để có thể tốt nghiệp trong thời hạn tối đa được phép theo học chương trình. Việc cảnh báo kết quả học tập của sinh viên được dựa trên các điều kiện sau:

a) Điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 1,20 đối với sinh viên năm thứ nhất, dưới 1,40 đối với sinh viên năm thứ hai, dưới 1,60 đối với sinh viên năm thứ ba hoặc dưới 1,80 đối với sinh viên các năm tiếp theo và cuối khoá;

b) Điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 0,80 đối với học kỳ đầu của khoá học, dưới 1,00 đối với các học kỳ tiếp theo;

c) Tổng số tín chỉ của các học phần bị điểm F còn tồn đọng tính từ đầu khoá học đến thời điểm xét vượt quá 24 tín chỉ.

Sinh viên vi phạm 1 trong 3 điều kiện trên thì bị cảnh báo

2. Sau mỗi học kỳ, sinh viên bị buộc thôi học nếu thuộc một trong những trường hợp sau đây:

a) Có số lần cảnh báo kết quả học tập 3 lần liên tiếp hoặc 4 lần trong cả khoá học;

b) Vượt quá thời gian tối đa được phép học tại trường quy định tại khoản 3, Điều 6 của Hướng dẫn này;

c) Bị kỷ luật lần thứ hai vì lý do đi thi hộ hoặc nhờ người thi hộ theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Quy chế này hoặc bị kỷ luật ở mức xoá tên khỏi danh sách sinh viên của trường.

3. Chậm nhất là một tháng sau khi sinh viên có quyết định buộc thôi học, Phòng Công tác học sinh, sinh viên phải thông báo trả về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú. Trường hợp tại trường sinh viên vừa theo học hoặc tại trường khác có các chương trình đào tạo ở trình độ thấp hơn hoặc chương trình giáo dục thường xuyên tương ứng, thì những sinh viên thuộc diện bị buộc thôi học quy định tại các điểm a, b khoản 2 của Điều này được quyền xin xét chuyển qua các chương trình đó và được bảo lưu một phần kết quả học tập ở chương trình cũ. Hiệu trưởng xem xét quyết định cho bảo lưu kết quả học tập đối với từng trường hợp cụ thể.

Điều 17. Học cùng lúc hai chương trình (Điều 17 của Thông tư 57)

Khoản 3, Điều 17 được sửa đổi, bổ sung như sau:

3. Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên học cùng lúc hai chương trình là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ nhất, quy định tại khoản 3, Điều 6 của Hướng dẫn này. Khi học chương trình thứ hai, sinh viên được bảo lưu điểm của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong chương trình thứ nhất.

Chương III

KIỂM TRA VÀ THI HỌC PHẦN

Điều 19. Đánh giá học phần (Điều 19 của Quy chế 43)

Khoản 2, Điều 19 được sửa đổi, bổ sung như sau:

2. Đối với các học phần thực hành: Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài kiểm tra. Điểm chuyên cần, điểm trung bình cộng của điểm các bài kiểm tra, điểm kết thúc học phần trong học kỳ tính theo trọng số quy định được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần.

Điều 20. Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần (Điều 20 của Quy chế 43)

Khoản 1, 2, Điều 20 được sửa đổi, bổ sung như sau:

1. Cuối mỗi học kỳ, Nhà trường tổ chức thi học kỳ và không tổ chức kỳ thi phụ. Trường hợp đặc thù do Hiệu trưởng quyết định. Sinh viên có điểm học phần không đạt trong kỳ thi chính (bị điểm F) sẽ phải đăng ký học lại, nộp kinh phí và thi cùng với khóa học kế tiếp ngay sau đó.

2. Thời gian dành cho ôn thi mỗi học phần tỷ lệ thuận với số tín chỉ của học phần đó, là 01 ngày cho một tín chỉ. Hiệu trưởng quy định cụ thể thời gian thi cho các kỳ thi.

Điều 21. Ra đề thi, hình thức thi, chấm thi và số lần được dự thi kết thúc học phần (Điều 21 của Quy chế 43)

Khoản 2, 3, 4, 5, 6, Điều 21 được sửa đổi, bổ sung như sau:

2. Hình thức thi kết thúc học phần có thể là viết (trắc nghiệm hoặc tự luận), vấn đáp, tiểu luận, bài tập lớn, hoặc kết hợp giữa các hình thức trên. Đầu năm học, căn cứ đề cương chi tiết môn học hoặc căn cứ việc đăng ký hình thức thi

học phần của các Khoa, Tổ bộ môn về Phòng Khảo thí, Đảm bảo chất lượng và Thanh tra giáo dục để Hiệu trưởng duyệt các hình thức thi thích hợp cho từng học phần.

3. Việc chấm thi kết thúc các học phần chỉ có lý thuyết và việc chấm tiểu luận, bài tập lớn phải ít nhất do hai giảng viên đảm nhiệm.

Hiệu trưởng quy định việc bảo quản, quy trình chấm thi và lưu giữ các bài thi sau khi chấm. Thời gian lưu giữ các bài thi viết, tiểu luận, bài tập lớn ít nhất là hai năm, kể từ ngày thi hoặc ngày nộp tiểu luận, bài tập lớn.

4. Thi vấn đáp kết thúc học phần phải ít nhất do hai giảng viên thực hiện. Điểm thi vấn đáp được công bố công khai sau mỗi buổi thi. Trong trường hợp các giảng viên chấm thi không thống nhất được điểm chấm, thì điểm thi đó sẽ do Trưởng bộ môn hoặc Trưởng khoa quyết định.

Các điểm thi kết thúc học phần và điểm học phần phải ghi vào bảng điểm theo mẫu thống nhất của trường, có chữ ký của các giảng viên chấm thi và làm thành ba bản. Một bản lưu tại bộ môn, một bản gửi về văn phòng khoa và một bản gửi về Phòng Đào tạo, chậm nhất một tuần sau khi kết thúc chấm thi học phần.

5. Sinh viên vắng mặt trong kỳ thi kết thúc học phần, nếu không có lý do chính đáng coi như đã dự thi một lần và phải nhận điểm 0 ở kỳ thi.

6. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng ở kỳ thi, nếu được Trưởng khoa cho phép, được dự thi ở kỳ thi của khóa đào tạo ngay sau đó, điểm thi kết thúc học phần được coi là điểm thi lần đầu.

Điều 22. Cách tính điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần (Điều 22 của Quy chế 43)

Điểm a, Khoản 2, Điều 22 được sửa đổi, bổ sung thang điểm đánh giá học phần như sau:

2. Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

a) Điểm đạt:

Loại	Điểm hệ 10	Điểm hệ chữ	Xếp loại
Loại đạt	9,0 – 10,0	A+	Xuất sắc
	8,5 – 8,9	A	Giỏi
	8,0 – 8,4	B+	
	7,0 – 7,9	B	Khá
	6,5 – 6,9	C+	Trung bình khá
	5,5 – 6,4	C	
	5,0 – 5,4	D+	Trung bình
	4,0 – 4,9	D	

Điều 23. Cách tính điểm trung bình chung (Điều 23 của Quy chế 43)

Khoản 1, Điều 23 được sửa đổi, bổ sung thang điểm hệ 4 như sau:

1. Để tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chữ của mỗi học phần phải được quy đổi qua điểm số như sau:

Điểm hệ 10	Điểm hệ chữ	Điểm hệ 4
9,0 – 10,0	A+	4,0
8,5 – 8,9	A	3,7
8,0 – 8,4	B+	3,5
7,0 – 7,9	B	3,0
6,5 – 6,9	C+	2,5
5,5 – 6,4	C	2,0
5,0 – 5,4	D+	1,5
4,0 – 4,9	D	1,0
<4	F	0

Trường hợp sử dụng thang điểm chữ có nhiều mức, Hiệu trưởng quy định quy đổi các mức điểm chữ đó qua các điểm số thích hợp, với một chữ số thập phân.

Chương IV

XÉT VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Điều 25. Đánh giá đồ án, khoá luận tốt nghiệp (Điều 25 của Thông tư 57)

Điều 25 được sửa đổi, bổ sung như sau:

1. Tùy theo từng chương trình, Hiệu trưởng quy định cách thức đánh giá đồ án, khoá luận tốt nghiệp. Việc đánh giá mỗi đồ án, khoá luận tốt nghiệp phải do Hội đồng chấm theo quyết định của Hiệu trưởng quy định.

2. Điểm của đồ án, khoá luận tốt nghiệp được chấm theo thang điểm chữ theo quy định tại điểm a và, khoản 2, điều 22 của Hướng dẫn này và điểm b, khoản 2, điều 22 của Quy chế 43. Điểm đồ án, khoá luận tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của khóa học.

3. Sinh viên có đồ án, khoá luận tốt nghiệp bị điểm F phải đăng ký làm lại đồ án, khoá luận tốt nghiệp cùng với khóa sau; hoặc phải đăng ký học thêm một số học phần chuyên môn học thêm tương đương với số tín chỉ của đồ án, khoá luận tốt nghiệp theo quy định của Hiệu trưởng.

Điều 26. Thực tập cuối khoá và điều kiện xét tốt nghiệp của một số ngành đào tạo đặc thù (Điều 26 của Quy chế 43)

Điều 26 được sửa đổi, bổ sung như sau:

Hiệu trưởng quy định nội dung, hình thức thực tập cuối khóa; hình thức chấm đồ án, khoá luận tốt nghiệp; điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp phù hợp với đặc điểm các chương trình của trường.

Điều 27. Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp (của Thông tư 57)

Điểm b, Khoản 1, Điều 27 được sửa đổi, bổ sung như sau:

b) Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo được quy định tại khoản 4, Điều 2 của Hướng dẫn này.

Điều 28. Cấp bằng tốt nghiệp, bảo lưu kết quả học tập, chuyển chương trình đào tạo và chuyển loại hình đào tạo (Điều 28 của Quy chế 43)

- Khoản 3, 4, 6, Điều 28 được sửa đổi, bổ sung như sau:

3. Kết quả học tập của sinh viên phải được ghi vào bảng điểm theo từng học phần. Trong bảng điểm phải ghi chuyên ngành (hướng chuyên sâu) hoặc ngành phụ (nếu có). Phòng Đào tạo chịu trách nhiệm làm bảng điểm toàn khóa, văn phòng các khoa cùng phối hợp kiểm tra. Mẫu Bảng điểm do Hiệu trưởng phê duyệt.

4. Nếu kết quả học tập của sinh viên thỏa mãn những quy định tại khoản 1 Điều 27 của Thông tư 57 đối với một số chương trình đào tạo tương ứng với các ngành đào tạo khác nhau, thì sinh viên được cấp các bằng tốt nghiệp khác nhau tương ứng với các ngành đào tạo đó.

6. Sinh viên không tốt nghiệp được cấp giấy chứng nhận về các học phần đã học trong chương trình của trường. Những sinh viên này nếu có nguyện vọng, được quyền làm đơn xin chuyển qua các chương trình khác theo quy định tại khoản 2, điều 16 của Hướng dẫn này.

Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW thực hiện những điều đã được sửa đổi, bổ sung tại Hướng dẫn này. Các điều còn lại không sửa đổi, bổ sung trong Hướng dẫn này thực hiện theo Quy chế 43 (*ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế đào tạo đại học, cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ*) và Thông tư 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ (*ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ GD và ĐT*).

Hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo đại học cao đẳng theo hình thức tín chỉ của Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW được áp dụng từ năm học 2013-2014.

Ngoài những quy định cụ thể trên, các trường hợp cụ thể khác do Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW quyết định.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Các Khoa, Tổ, đơn vị liên quan;
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TSKH. Phạm Lê Hòa

